

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày: 16-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Xuân Văn;

2. Ông Nguyễn Văn Cương;

3. Ông Bùi Quang Ân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Xuân Văn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Khuru Hồng Tuấn Thái Như T, sinh năm 1983, tại tỉnh Lai Châu; hộ khẩu thường trú: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha tên Khuru Chấn L, sinh năm 1956 và mẹ tên Đoàn Thị Mỹ P, sinh năm 1959; vợ tên Trần Thị T, sinh năm 1984 và có 03 người con (người con lớn nhất sinh năm 2001, người con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2019 cho đến nay.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo T: Ông Phạm Tiến Thiên T là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Thiên T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

2. Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha tên Trần Quyết T, sinh năm 1956 (đã chết) và mẹ tên Phạm Thị Q, sinh năm 1960; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2019 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo T1: Ông Hoàng Tân V là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng Tân V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Phạm Thị T2, sinh năm 1991, tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha tên Phạm Văn C, sinh năm 1960 và mẹ tên Trần Thị Q sinh năm 1963; có 04 người con (người con lớn nhất sinh năm 2009 và người con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 28/02/2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, sau đó bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra quyết định truy nã, ngày 28/11/2019 bắt được bị cáo và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo T2: Ông Nguyễn Doãn H là Luật sư của Công ty Luật Hợp danh Nam Việt Luật, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Xuân T3, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Tổ 1, Ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Minh H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ 21, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Ngô Thanh V, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 21, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông Bùi Văn T4, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/02/2019, tại Quốc lộ 13 thuộc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, tổ tuần tra của Công an xã L phát hiện bắt quả tang Khru Hồng Tuấn Thái Như T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 93G1 - 030.90 chở Phạm Thị T2 ngồi phía sau, đang lưu thông từ hướng thị xã B, tỉnh Bình Dương về tỉnh Bình Phước có biểu hiện nghi vấn đang vận chuyển trái phép chất ma túy nên tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ tang, tư vật gồm: 01 (một) túi nylon miệng hở bên trong có chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) túi nylon màu trắng được quấn băng keo đen đựng 02 (hai) gói nylon màu đỏ hàn kín được quấn băng keo đen, 03 (ba) gói nylon hàn kín được quấn băng keo màu đỏ (M2-2), 01 (một) gói nylon hàn kín được quấn băng keo đen,

đỏ, 04 (bốn) gói nylon hàn kín được quần băng keo đen, 01 (một) gói nylon hàn kín được quần băng keo đen bên trong đều chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 93G1 - 030.90, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, 01 (một) túi da nhãn hiệu PRADA, 01 (một) cái kéo, 01 (một) bình gas mi ni, 02 (hai) cuộn băng keo đen, 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu trắng, 01 (một) mũ bảo hiểm loại $\frac{3}{4}$ đầu, hiệu ASIA, màu xanh dương; 01 (một) áo khoác nam màu nâu xám, 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen (tình trạng máy mất nút nguồn, bên trong không có sim thuê bao); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng.

Quá trình điều tra đã xác định được:

Khuu Hồng Tuấn Thái Như T, Phạm Thị T2 và Trần Thị Thanh T1 có mối quan hệ bạn bè và là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên thường xuyên sử dụng ma túy cùng nhau; nguồn ma túy có để sử dụng là do T mua của Trần Thị M (tên gọi khác là Út) tại Tổ 57, đường T, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; T thường xuyên đến mua ma túy của M; mỗi lần mua với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Ngày 16/02/2019, T, T2 và T1 hẹn gặp nhau tại quán cà phê “Điểm Hẹn” ở thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước và bàn bạc thống nhất cùng nhau đi thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy. Sau đó, T mượn xe mô tô biển số 93G1- 030.90 của Nguyễn Thị T4 là người quen của T để chở T2 đi; còn T1 tự đón xe khách đi về phòng trọ của T1 ở phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trên đường đi thì T và T2 vào thuê phòng tại Nhà nghỉ H, thuộc Khu công nghiệp M, thị xã B, tỉnh Bình Dương để nghỉ ngơi. Tại đây, T2 gọi điện thoại kêu T1 cùng đến chơi, còn T gọi điện thoại cho người bạn tên Ty (không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể) nhờ mua ma túy mang đến để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, T quay về huyện L, tỉnh Bình Phước kiểm thêm tiền để mua ma túy, còn T2 và T1 ở lại nhà nghỉ H.

Sáng ngày 17/02/2019, T mượn của Mai Xuân T2 10.000.000 đồng và Võ Thanh H 10.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 93G1- 030.90 đến nhà nghỉ H gặp T2 và T1; sau đó, T2 mượn xe của T chở T1 về phòng trọ ở phường H, thành phố T rồi T2 quay lại nhà nghỉ H ngủ cùng với T.

Đến khoảng 08 giờ ngày 18/02/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 93G1- 030.90 chở T2 đến phòng trọ của T1. Do T và T2 không đem theo giấy chứng minh nhân dân nên không thể nhận được tiền do Võ Thanh H gửi, còn T1 có chứng minh nhân dân nên T nhờ T1 đi Thành phố Hồ Chí Minh cùng với T để rút tiền mua ma túy, T2 ở lại phòng trọ của T1 để chờ T và T1 đi mua ma túy về.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 93G1- 030.90 chở T1 đến nhà của Trần Thị M thuộc Tổ 57, đường Thống Nhất, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy. Khi đến nơi, T1 đứng ngoài giữ xe còn T vào gặp M thỏa thuận

mua 20.000.000 đồng ma túy đá và 10.000.000 đồng Heroin; T trả trước 20.000.000 đồng và thiếu lại 10.000.000 đồng. Lúc này, T đi ra chờ T1 đến cửa hàng Điện Máy Xanh để T1 dùng chứng minh nhân dân của mình rút số tiền 10.000.000 đồng do H gửi, sau khi rút Tiền xong T chờ T1 quay lại nhà của M để lấy ma túy. T vào nhà đưa số tiền 20.000.000 đồng cho M và nhận ma túy như đã thỏa thuận trước đó; T cất giấu số ma túy trên vào trong túi áo khoác bên trái của T rồi điều khiển xe mô tô chờ T1 đi về, khi đến khu vực cầu vượt T, thuộc Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thì T và T1 vào thuê phòng nghỉ ở một khách sạn (không rõ tên và địa chỉ). Tại đây, T lấy ra một ít ma túy vừa mua được và cùng với T1 sử dụng; sau đó, phân chia số ma túy vừa mua được thành 06 (sáu) phần, gói lại bằng gói nylon và dùng băng keo đen quấn lại. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T và T1 trả phòng rồi T điều khiển xe mô tô chờ T1 đến một căn nhà trên đường số 5, khu phố Đ, phường V, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương gặp người đàn ông tên L1 và một người phụ nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) để bán số ma túy đá nêu trên nhưng sau khi kiểm tra chất lượng thì hai người này không mua; lúc này, T lấy Heroin bỏ vào chung với túi đựng ma túy đá. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T chờ T1 về phòng trọ của T1 ở phường H, thành phố T rồi sau đó chờ T2 về tỉnh Bình Phước. Trên đường đi, T cất giấu số ma túy trên vào bên trong túi áo khoác bên trái; khi chờ T2 đi được khoảng 100 mét thì T lấy số ma túy cất giấu trong túi áo khoác ra đưa cho T2 giữ và nói “cất giữ giùm bịch đồ (ma túy) đi, khi nào có Công an thì vứt cho nhanh”, T2 cầm túi ma túy cất vào trong túi xách đang đeo trên người. Khi T điều khiển xe chờ T2 đến đoạn đoạn đường thuộc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì bị Công an xã L phát hiện bắt quả tang T và T2 có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy như đã nêu ở trên.

Ngày 21/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiếp tục ra Lệnh giữ và bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thị Thanh T1; đồng thời khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị Thanh T1, qua đó thu giữ một số tang, tư vật sau: 01 (một) điện thoại di động hiệu ASUS màu đen đỏ, 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, bị vỡ màn hình, 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, không có nắp sau, 01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy bằng thủy tinh (nỏ), 01 (một) hộp quẹt gas (đã bị vỡ).

Kết luận giám định số 179/MT-PC09 ngày 22/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

- Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 93,64gam (M1), loại Methamphetamine.

- Mẫu chất màu trắng gửi giám định đều là ma túy, có khối lượng: 0,8900 gam (M2-1), 2,6692gam (M2-2), 3,6158gam (M2-3), 7,2072gam (M2-4), 7,3565gam (M2-5), loại Heroin.

Khối lượng ma túy thu giữ như sau: (1) loại Methamphetamine (M1) là 93,64gam; (2) loại Heroin (M2-1 + M2-2 + M2-3 + M12-4 + M2-5) là 21,7387 gam; tổng khối lượng (1) + (2) là 115,3787 gam.

Đối với Võ Thanh H là người chuyển 10.000.000 đồng cho T để mua ma túy và người nhận tiền là T1: T khai nhận đây là số tiền H gửi T để mua ma túy. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng đến nay vẫn chưa làm việc được với Võ Thanh H. Do đó, chưa có căn cứ để xác định vai trò đồng phạm của H trong vụ án, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi của Võ Thanh H khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi của Trần Thị M, ngoài lời khai của T, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh Trần Thị M là người đã bán ma túy cho T và sau khi T bị bắt, M không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được đang ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi của Trần Thị M khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Riêng đối tượng L1 và người phụ nữ mua ma túy của T, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa điểm do T cung cấp nhưng do nhân thân lai lịch không rõ ràng nên chưa xác định được, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Đối với Mai Xuân T3 là người cho T mượn 10.000.000 đồng để mua ma túy, T3 khai: do T là bạn của T3 nên T3 thường hay cho T mượn tiền để giải quyết công việc riêng, việc T mượn 10.000.000 đồng của T3 nhưng sau đó đã sử dụng số tiền này để đi mua ma túy thì T3 hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T3 (bản thân T3 không sử dụng ma túy).

Quá trình điều tra xác định được: xe mô tô biển số 93G1 - 030.90 do T sử dụng để đi mua ma túy thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T4, bà T4 cho T mượn xe làm phương tiện đi lại nhưng không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị T4.

Tại Cáo trạng số 14/CT/VKS-P2 ngày 05/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T, Trần Thị Thanh T1, Phạm Thị T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T chỉ thừa nhận hành vi mua ma túy về để sử dụng, không thừa nhận hành vi bán ma túy; bị cáo Trần Thị Thanh T1 thừa nhận hành vi cùng bị cáo T đi mua ma túy, không thừa nhận hành vi cùng bị cáo T đi bán ma túy; bị cáo Phạm Thị T2 không thừa nhận hành vi mua bán ma túy như cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung: giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối

với các bị cáo; đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều khai thống nhất và đều thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo T và T1 chỉ thừa nhận hành vi đi mua ma túy về để sử dụng, không thừa nhận hành vi bán ma túy cho vợ chồng đối tượng tên L1; bị cáo T không bàn bạc với bị cáo T2 đi mua ma túy và không đưa ma túy cho bị cáo T2 cầm ném xuống đường; còn bị cáo T2 cho rằng bị cáo không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

Về vai trò: Bị cáo T là người chủ mưu, khởi xướng nên phải chịu hình phạt cao nhất; bị cáo T1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực cùng đi mua ma túy với bị cáo T nên phải chịu hình phạt cao thứ hai; bị cáo T2 tham gia với vai trò giúp sức thấp nhất: chỉ cầm ma túy cho bị cáo T và ném túi ma túy xuống đường khi bị Công an phát hiện, tuy nhiên bị cáo T2 không thừa nhận hành vi phạm tội nên sẽ có mức hình phạt bằng với bị cáo T1.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T và T1 có thái độ thành khẩn khai báo hành vi mua ma túy về để sử dụng nhưng không khai báo hành vi bán ma túy nên được áp dụng một phần tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T2 trong quá trình điều tra, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa không thừa nhận nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, vai trò và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T mức hình phạt 20 năm tù, bị cáo T1 và T2 mức hình phạt từ 15 năm tù đến 16 năm tù.

Luật sư Phạm Tiến Thiên T - bào chữa chỉ định cho bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái
Như T trình bày tranh luận: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai trong quá trình điều tra, người bào chữa không tham gia trong quá trình điều tra nên chưa rõ hành vi phạm tội của các bị cáo và tại phiên tòa cũng không có người làm chứng để làm rõ lời khai. Do đó, đề nghị trả hồ sơ để điều tra, lấy lại lời khai, đối chất giữa các bị cáo nhằm làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo T thống nhất nội dung tranh luận của người bào chữa và không có ý kiến bổ sung.

Luật sư Nguyễn Doãn H - bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Thị T2 trình bày tranh luận: về vai trò đồng phạm của bị cáo T2, đại diện Viện Kiểm sát chỉ căn cứ duy nhất vào lời khai của bị cáo T khai “bán ma túy cho vợ chồng tên L1” để truy tố bị cáo T2 tham gia với vai trò đồng phạm là chưa có cơ sở. Tại phiên tòa, các bị cáo T, T2 và T1 đều khai thống nhất là không có hành vi bán ma túy, chỉ mua ma túy về để sử dụng. Ngày 16/02/2019, tại quán cà phê “Điểm Hẹn” ở thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước và tại nhà nghỉ Hào Kiệt cả ba bị cáo đều không có bàn bạc về việc đi Thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy về bán; khi T chở T1 về phòng trọ của T1 thì T2 cũng không có mặt tại phòng trọ của T1 mà đang đứng trước cổng Đại Nam. Như vậy, không có căn cứ chứng minh bị cáo T2 biết bị cáo T và T1 đi Thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy; tại phiên tòa, bị cáo T khai cất giấu ma túy trong người và T là người ném ma túy xuống đường khi

bị Công an phát hiện, bị cáo T2 hoàn toàn không biết bị cáo T giấu ma túy trong người. Do đó, đề nghị trả hồ sơ để làm rõ hành vi đồng phạm của bị cáo T2, xác định lại tội danh của các bị cáo.

Bị cáo T2 thống nhất nội dung tranh luận của người bào chữa và không có ý kiến bổ sung.

Luật sư Hoàng Tân V – bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thị Thanh T1 trình bày tranh luận: thống nhất với ý kiến của những người bào chữa. Trong vụ án chưa bắt được người mua và người bán ma túy, chưa có thu lợi bất chính; đối tượng tên H có địa chỉ thường trú rõ ràng nên cần làm rõ ngày 08/12/2019, H có mặt tại địa phương không để từ đó xác định T có gặp H không và T gặp H để thực hiện giao dịch mua bán ma túy như thế nào, có phải T mượn tiền của H để đi mua ma túy về bán lại cho H không; làm rõ số tiền thu lợi bất chính 35.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T và T1 đều khai là các bị cáo đi mua ma túy về để sử dụng chứ không nói mua ma túy về để bán. Do đó, đề nghị trả hồ sơ để làm rõ các tình tiết nêu trên, xác định lại tội danh của các bị cáo.

Bị cáo T1 thống nhất nội dung tranh luận của người bào chữa và không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: giữ nguyên quan điểm đã trình bày cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

Bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T nói lời sau cùng: Bị cáo T2 không biết bị cáo đi mua ma túy nên đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội.

Bị cáo Trần Thị Thanh T1 nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Thị T2 nói lời sau cùng: Bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên; quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa chỉ định cho các bị cáo, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T, Trần Thị Thanh T1, Phạm Thị T2 không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với các bị cáo. Bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T và Trần Thị Thanh T1 chỉ thừa nhận hành vi đi mua ma túy

về để sử dụng, không thừa nhận hành vi bán ma túy; bị cáo Phạm Thị T2 không bàn bạc với bị cáo T về việc đi mua ma túy và không cầm ma túy cho bị cáo T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo T tại các bút lục số 154, 156, 164, 168 187, 201 (có Luật sư Việt tham gia), 417, 168, 187, 191, 194, 201, 417, 602 và lời khai của bị cáo T1 tại các bút lục số 314, 318, 322, 424 (có Luật sư Việt tham gia) các bị cáo T và T1 đều khai nhận: tại Quán cà phê “Điểm Hẹn” trên thị trấn L, T rủ T2 và T1 đi xuống Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy và ngày 18/2/2019 T chở T1 đi Quận 12 mua ma túy, khi đi về đến khu vực cầu Bình Phước thì ghé vào nhà vợ chồng tên L1 để bán ma túy nhưng L1 nói ma túy nhuộm quá nên không mua. Sau đó T chở T1 về phòng trọ rồi chạy đến cổng Đại Nam chở T2 về tỉnh Bình Phước, chạy được khoảng 100m thì T lấy số ma túy trong túi áo khác bên trái đưa cho T2 để T2 cất vào ba lô của T2, khi thấy lực lượng Công an tuần tra yêu cầu dừng xe thì T kêu T2 ném bỏ túi ma túy xuống đường. Tại phiên tòa ngày 12/5/2020, bị cáo T1 cũng thừa nhận: sau khi mua ma túy xong, trên đường về, bị cáo T chở bị cáo đến nhà vợ chồng tên L1 để bán ma túy.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo T2 tại các bút lục số 224, 245 và lời khai của bị cáo T tại bút lục số 602 thì các bị cáo đều khai nhận: T rủ T2 và T1 đi Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy về để sử dụng và bán cho các con nghiện; khi bị bắt quả tang thì T2 vứt bỏ ma túy xuống đường.

Như vậy, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp, không mâu thuẫn và lời khai của bị cáo T2 cũng phù hợp với lời khai của của những người làm chứng Trần Minh H, Ngô Thanh V, Bùi Văn T4: nhìn thấy người phụ nữ ngồi phía sau dùng tay phải mở túi đeo chéo trước ngực ra và dùng tay trái rút trong túi đeo chéo đó ra 01 túi nylon màu đen ném qua dải phân cách về phía phần đường ngược chiều (bút lục 138-153). Tại phiên tòa các bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi mua bán ma túy như trong quá trình điều tra. Các bị cáo cho rằng, do trong quá trình điều tra các bị cáo hoảng sợ và cán bộ điều tra nói khai như vậy thì sẽ cho về với gia đình nên các bị cáo đã khai không đúng sự thật. Tuy nhiên, các bị cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh và trong quá trình lấy lời khai, các bị cáo cũng không bị ép cung, nhục hình.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 16/02/2019, các bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T, Phạm Thị T2 và Trần Thị Thanh T1 gặp nhau tại quán cà phê “Điểm Hẹn” ở thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước để bàn bạc về việc đi Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy. Đến ngày 18/02/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 93G1 – 030.90 chở T1 đến khu vực đường Thống Nhất, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của đối tượng Trần Thị M, gồm: 93,64 gam Methamphetamine; 21,7387gam Heroin (tổng cộng: 115,3787 gam) với số tiền là 20.000.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở T1 cùng với số lượng ma túy trên

đến bán cho vợ chồng đối tượng tên L1 tại khu phố Đông, phường Vĩnh Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương nhưng không bán được nên T chở T1 về lại phòng trọ của T1, rồi sau đó chở T2 về tỉnh Bình Phước. Trên đường về tỉnh Bình Phước, T đưa số ma túy trên cho T2 cất giấu; khi đến đoạn đường Quốc Lộ 13 thuộc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì bị Công an xã L phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T, Phạm Thị T2 và Trần Thị Thanh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo biết ma túy (Methamphetamine, Heroin) là chất gây nghiện độc hại, là mầm mống phát sinh các bệnh xã hội, bệnh hiểm nghèo và các loại tội phạm khác và cũng là nguyên nhân của những bất ổn, mất trật tự an toàn xã hội nhưng vì để có ma túy sử dụng và để có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, nếu bị phát hiện sẽ bị trừng trị một cách nghiêm khắc nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm và mua bán ma túy với khối lượng lớn, điều đó cho thấy các bị cáo bất chấp hậu quả và xem thường pháp luật.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tình hình tội phạm ma túy ngày càng gia tăng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo để xét xử các bị cáo mức án phù hợp.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T và T1 có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi đi mua ma túy và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nhưng không thừa nhận hành vi bán ma túy nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng có phần hạn chế cho các bị cáo T và T1. Bị cáo T2 không khai nhận hành vi phạm tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về phân hóa vai trò thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo T là người khởi xướng, trực tiếp bỏ tiền ra mua ma túy và là người đứng ra thực hiện giao dịch mua, bán ma túy nên chịu mức hình phạt cao nhất; bị cáo T1 tham gia với vai trò giúp sức tích cực, cùng với bị cáo T đi mua và bán ma túy nên chịu mức hình phạt cao thứ hai; còn bị cáo T2

tham gia với vai trò giúp sức thứ yếu, trên đường về tỉnh Bình Phước cầm ma túy cho bị cáo T và ném túi ma túy xuống đường khi bị Công an bắt quả tang nên là đồng phạm với hành vi của bị cáo T.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 179/PC09, có chữ ký hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Khuru Hồng Tuấn Thái Như T, Phạm Thị T2, Nguyễn Tiến Mạnh, Nguyễn Ngọc D và hình dấu đỏ niêm phong, bên trong có chứa các mẫu niêm phong, theo Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương) là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy; 01 (một) túi da nhãn hiệu PRADA; 01 (một) cái kéo; 01 (một) bình gas; 01 (một) hộp quẹt gas (đã bị vỡ); 02 (hai) cuộn băng keo đen và 01 (một) cái áo khoác nam màu nâu xám hiệu DIDUSHIJA. Đây là đồ vật các bị cáo dùng để sử dụng ma túy và cất giấu ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu trắng (của bị cáo T); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng (của bị cáo T2); 01 (một) điện thoại di động hiệu ASUS màu đen đỏ (của bị cáo T1). Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để cùng đi mua ma túy, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 (một) mũ bảo hiểm loại $\frac{3}{4}$ đầu, hiệu ASIA; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen (của bị cáo T); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen (của bị cáo T2); 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, 01 (một) chứng minh nhân dân tên Trần Thị Thanh T1. Đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố các bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T, Trần Thị Thanh T1 và Phạm Thị T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2019.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh T1 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/02/2019.

1.2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T2 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2019; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 28/02/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư được niêm phong ghi số 179/PC09, bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Công Cường, chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Văn Giáp và Nguyễn Ngọc Sơn, chữ ký của đối tượng bị bắt Khuru Hồng Tuấn Thái Như T và Phạm Thị T2 được đóng dấu mộc đỏ của Công an xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và dấu mộc niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương (kèm theo Kết luận giám định số 179/MT-PC09 ngày 22/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương);

01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

01 (một) ống thủy tinh dùng sử dụng ma túy;

01 (một) kéo cắt;

01 (một) bình gas hiệu YUTUPAI;

01 (một) hộp quẹt gas (đã bị vỡ);

02 (hai) cuộn băng keo đen;

01 (một) áo khoác nam màu nâu xám, bên ngoài bằng vải, bên trong là vải dù hoa văn sọc màu cam đen hiệu DIDUSHIJIA, kích cỡ là XXXL đã sử dụng cũ);

01 (một) túi da nhãn hiệu PRADA;

01 (một) dụng cụ sử dụng ma túy bằng thủy tinh (nỏ).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu trắng, model: TA-1063 đã bị nứt màn hình, bên trong có gắn hai sim thuê bao (không kiểm tra được số Imel và tình trạng máy móc bên trong);

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, đã sử dụng, nút khởi động nguồn đã bị hư (mất), Imel 1: 869700026728639 bên trong có chứa sim thuê bao (không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong);

01 (một) điện thoại di động hiệu ASUS màu đen xám, số Imel 1: 358062073942227 bị vỡ màn hình (không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T: 01 (một) mũ bảo hiểm loại $\frac{3}{4}$ đầu, hiệu ASIA, màu xanh dương, có sọc hoa văn màu vàng, đỏ, trắng, có kính, đã cũ, miếng đệm nút bên trong có dấu hiệu bong tróc; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, không có nắp sau, Imel 1: 352880108760702 (không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị T2: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO đã cũ màu đen, tình trạng máy: nút nguồn đã bị hư (mất nút nguồn), bên trong không có sim thuê bao (không kiểm tra được số Imel và tình trạng máy móc bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Thanh T1: 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, bị vỡ màn hình, Imel 1: 351665/06/732328/2 (không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thanh T1.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2020).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Khuru Hồng Tuấn Thái Như T phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo Trần Thị Thanh T1 phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo Phạm Thị T2 phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN**THẨM PHÁN****THẨM PHÁN
CHỦ TỌA****Đặng Xuân Văn Nguyễn Văn Cương Bùi Quang Ân Lê Quân Vương Bùi Ngọc Thạch****HỘI THẨM NHÂN DÂN****THẨM PHÁN****THẨM PHÁN – CHỦ TỌA****L****Lê Quân****Bùi Ngọc Thạch**

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại Hà Nội; 1
- VKSND cấp cao tại Tp HCM; 1
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- Trại Tạm giam Công an tỉnh BD; 3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Phòng PC04 Công an tỉnh BD;	1
- Phòng PV06 Công an tỉnh BD;	1
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Các bị cáo;	3
- Người bào chữa cho các bị cáo;	3
- Lưu: HSVA, Tòa HS, Tổ HCTP.	4

Bùi Ngọc Thạch